

Ý NGHĨA CỦA NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ 27-7

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chưa được bao lâu thì thực dân Pháp đã trở lại xâm lược nước ta. Với ý chí kiên cường, bất khuất “Thà hi sinh chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, quân và dân ta đã một lòng anh dũng chiến đấu chống lại quân xâm lược. Trong những tháng năm đầu của cuộc kháng chiến quyết liệt, nhiều đồng bào, chiến sĩ đã đổ máu trên các chiến trường.

Theo lời kêu gọi của Đảng, của Chính phủ và Bác Hồ, kế thừa truyền thống nhân ái của dân tộc, nhân dân ta đã dành tất cả tình thương yêu của mình cho các chiến sĩ và đồng bào đã vì sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc mà bị thương hoặc hi sinh.

Đầu năm 1946, Hội Giúp binh sĩ bị nạn ra đời ở Thuận Hóa (Huế), rồi đến Hà Nội và một số địa phương khác..., sau đó ít lâu được đổi thành Hội Giúp binh sĩ bị thương. Ở Trung ương có Tổng hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của Tổng hội.

Chiều ngày 28-5-1946 tại Nhà hát Lớn Hà Nội, Tổng hội tổ chức một cuộc nói chuyện quan trọng để kêu gọi đồng bào gia nhập Hội và hăng hái giúp đỡ các chiến sĩ bị thương.

Để giúp chiến sĩ trong mùa đông giá rét, cuộc vận động “Mùa đông binh sĩ” được tổ chức trong cả nước, mở đầu bằng buổi lễ xung phong “Mùa đông binh sĩ” do Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam tổ chức chiều 17-11-1946 tại Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự buổi lễ và tặng chiếc áo mà Người đang mặc (chiếc áo sau này bán đấu giá được 3.500 đồng).

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ngày 19-12-1946, theo lời kêu gọi cứu nước của Bác Hồ, nhân dân cả nước nhất tề

đứng dậy kháng chiến với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Số người bị thương và hi sinh trong chiến đấu tăng lên. Thương binh, liệt sĩ trở thành vấn đề lớn.

Trước yêu cầu bức xúc đó, cùng với việc tiếp tục kêu gọi giúp đỡ thương binh, gia đình tử sĩ, ngày 16-2-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 20/SL “Quy định chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sĩ”. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác thương binh, liệt sĩ đối với công cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc.

Để làm cơ quan chủ đạo công tác này trong cả nước, ngày 26-2-1947, Phòng Thương binh (thuộc Chính trị Cục, Quân đội nhân dân Quốc gia Việt Nam) được thành lập vào đầu tháng 7-1947, Bác Hồ đã đồng ý cho thành lập Ban Vận động tổ chức Ngày Thương binh toàn quốc.

Cũng trong thời gian này, tại một địa điểm xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, các đại biểu Tổng bộ Việt Minh, Trung ương Hội Phụ nữ cứu quốc, Trung ương Đoàn Thanh niên cứu quốc, Nha Thông tin Tuyên truyền và một số địa phương đã dự một cuộc họp. Tại cuộc họp này, theo đề nghị của đại diện Chính trị Cục, Quân đội nhân dân Quốc gia Việt Nam, các đại biểu đã nhất trí chọn ngày 27-7 hàng năm là Ngày Thương binh toàn quốc.

Từ đây, hàng năm đến ngày 27-7, Bác Hồ đều gửi thư thăm hỏi, động viên, nhắc nhở mọi người phải biết ơn và hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ.

Từ tháng 7-1955, Ngày Thương binh toàn quốc được đổi thành Ngày Thương binh - Liệt sĩ để ghi nhận những hi sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ cả nước cho chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, theo Chỉ thị 223-CT/TU ngày 8-7-1975 của Ban Bí thư, từ năm 1975, ngày 27-7 hàng năm chính thức trở thành Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của các thế hệ đối với liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng. Sự cống hiến, hi sinh của họ cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân là vô giá, không chỉ cho ngày hôm qua, hôm nay mà cho muôn đời con, cháu mai sau. Việc chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công là nghĩa vụ, trách nhiệm và niềm vinh dự của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Làm tốt công tác đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng thể hiện tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, củng cố niềm tin của nhân dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cơ sở cho giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.